

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HS-ST

Ngày 13 - 5 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thung.

*Các hội thẩm nhân dân:*

Bà Đỗ Thị Hồng;

Ông Đặng Văn Chinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 13/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Văn C, sinh ngày 06 tháng 5 năm 1982 tại xã H, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 17, xã H, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K (đã chết) và bà Phạm Thị L, sinh năm 1958; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; có vợ là Vũ Thị N, sinh năm 1987 và có 3 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án: -Ngày 28/12/2007, Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội xử phạt 7 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 01/9/2014; ngày 05/5/2016, Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xử phạt 33 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 03/9/2018; tiền sự: Ngày 19/11/2019, Công an huyện Xuân Trường xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, hình thức phạt tiền; nhân thân: Ngày 18/12/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; năm 2015, Công an xã Xuân Ngọc, huyện Xuân Trường xử phạt vi phạm hành chính

về hành vi “Trộm cắp tài sản”; bị bắt tạm giam từ ngày 09/01/2020 đến nay; “có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C:* Bà Trần Thị T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

- *Bị hại:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm 9, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Vũ Thị N, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 17, xã H, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ, ngày 18/12/2019, Phạm Văn C điều khiển xe mô tô BKS 29M3-7281 từ nhà đến xã T với mục đích tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đến khu vực cửa hàng của chị Phạm Thị H ở xóm 9, xã T, thấy cửa mở, bên trong không có người trông coi nên nảy sinh ý định vào trộm cắp. C để xe ở ven đường rồi đi vào, phát hiện trong cửa hàng có 01 chiếc máy phát điện nhãn hiệu HONDA SH3500, AC230 vỏ màu đỏ, C bê máy phát điện ra chỗ để xe. Cùng lúc này, chị H ở trong nhà đi ra không thấy máy phát điện liền chạy ra đường tìm thì thấy C đang bê máy phát điện đặt lên xe. Thấy vậy, chị H liền hô “anh làm cái trò gì đấy” thì C bê máy phát điện đặt xuống đường rồi nhanh chóng lên xe chạy thoát. Chị H nhờ người bê máy vào trong nhà, đồng thời làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Trường. Nhận được tin báo của bị hại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Trường đã tiến hành xác minh, thu giữ chiếc máy phát điện và yêu cầu định giá tài sản.

Tại Kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐG ngày 27/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Xuân Trường kết luận: 01 máy phát điện, loại máy xăng, nhãn hiệu HONDA SH3500 có giá trị 2.500.000đ.

Khiến xe mô tô BKS 29M3-7281 là của chị Vũ Thị N là vợ bị cáo C, chị N mua chiếc xe này trong thời gian C đang chấp hành án phạt tù. Hiện chiếc xe mô tô, đăng ký xe và quần áo, đôi giày, khẩu trang đang được bảo quản tại kho vật chứng theo quy định.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như nêu trên.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân

Trường đã trả lại chiếc máy phát điện cho chị Phạm Thị H; chị H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự.

Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 04/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố hành vi của Phạm Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn C từ 33 đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo Phạm Văn C khai nhận đã thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” như nội dung vụ án đã nêu, bị cáo công nhận Viện kiểm sát đã truy tố đúng hành vi phạm tội của mình. Trong lời nói sau cùng, bị cáo thực sự ăn năn, hối lỗi mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc kết tội: Hành vi của bị cáo như đã khai nhận tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Phạm Văn C đã có 02 tiền án và 01 tiền sự về hành vi xâm phạm đến sở hữu tài sản của người khác. Ngày 18/12/2019, Phạm Văn C đã có hành vi lợi dụng sơ hở trong việc trông coi tài sản, lén lút chiếm đoạt 01 máy phát điện HONDA SH3500, AC230V của chị Phạm Thị H trị giá 2.500.000đ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm

g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố là có căn cứ.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi “Trộm cắp tài sản” của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo đang trong độ tuổi lao động, không chịu khó làm ăn, đã nhiều lần bị đưa ra xét xử tại Tòa án nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền chi tiêu cho bản thân nên cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã có tiền án, tiền sự nhưng đã là dấu hiệu định tội nên không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về việc làm của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung. Do bị cáo Phạm Văn C chưa có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[6] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: 01 chiếc xe mô tô BKS 29M3-7281 là của chị Vũ Thị N, chị N không biết bị cáo lấy xe để đi trộm cắp nên trả lại xe và đăng ký xe cho chị N là phù hợp; 01 bộ quần áo cũ, 01 đôi giày cũ, khẩu trang bị cáo dùng vào việc phạm tội hiện không còn giá trị sử dụng xét tịch thu tiêu hủy. Bị hại chị Phạm Thị H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 33 (ba mươi ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 01 quần caky màu bạc, 01 áo khoác màu đen, 01 đôi giày bằng vải màu đen, 01 khẩu trang bằng vải màu xanh, tất cả đều đã cũ và đã qua sử dụng;

- Trả lại cho chị Vũ Thị N 01 chiếc xe mô tô BKS 29M3-7281 loại FANLIM sơn màu đỏ mận - đen và 01 đăng ký xe cấp cho xe mô tô BKS 29M3-7281 FANLIM.

(Các vật chứng nêu trên được mô tả trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 26/CCTHA ngày 17/4/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Trường và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường).

2 Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Văn C phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- UBND xã H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Phạm Văn Thung**